

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	14 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Sơn La theo Quyết định số 4546/QĐ-UB ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24.03.000059 ngày 18 tháng 4 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp bổ sung Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi số đăng ký kinh doanh theo mã số doanh nghiệp là 5500154649, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, trong đó thay đổi lần thứ 07 ngày 07 tháng 01 năm 2021.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
- Điện thoại : 0223.854 934
- Fax : 0223.854 539
- Mã số thuế : 5500154649

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh cấp nước Yên Châu	Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Mường La	Số 72, Tiểu khu 3, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Sông Mã	Tổ 2, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Bắc Yên	3-2, Tiểu khu 3, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai	Quốc lộ 279, bản Pom Luồng, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 1	Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2	Số 116A, đường Điện Biên, tổ 9, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Mộc Châu	Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Phù Yên	Khối 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp	Bản Hua Mường, Sốp Cộp – Nậm Lạnh, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn	Tiểu khu 20, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Thuận Châu	Số 14, đường Lò Văn Hặc, tiểu khu 15, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Khai thác, xử lý, cấp nước sạch và nước sinh hoạt, xây dựng các công trình dân dụng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2020
Ông Bùi Văn Đính	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2020
Ông Lương Thế Công	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2020
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2020
Ông Bùi Hồng Nam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2020
Bà Lê Thị Nha Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Quyết Chiến	Tổng Giám đốc	Ngày 12 tháng 12 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 12 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 24 tháng 07 năm 2018

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 cho đến ngày 06 tháng 01 năm 2021 là Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Bùi Văn Đính - Tổng Giám đốc; từ ngày 07 tháng 01 năm 2021 đến nay, người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Văn Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Trần Quyết Chiến - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trần Quyết Chiến

Ngày 17 tháng 02 năm 2022

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0070/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SON LA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 02 năm 2022, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2022

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.295.474.900	49.047.860.964
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.239.337.145	27.831.532.918
1. Tiền	111		6.239.337.145	4.331.532.918
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	23.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.610.552.055	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	10.610.552.055	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.509.360.692	10.721.670.078
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10.856.169.217	10.033.876.193
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.018.500.000	525.630.740
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		71.528.330	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.563.163.145	162.163.145
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	8.759.426.132	10.494.657.968
1. Hàng tồn kho	141		9.082.131.835	10.817.363.671
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(322.705.703)	(322.705.703)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.176.798.876	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.081.570.505	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		95.228.371	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		91.627.745.346	94.797.502.179
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		77.653.318.400	82.065.917.015
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	77.653.318.400	82.065.917.015
<i>Nguyên giá</i>	222		293.889.918.651	284.337.144.095
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(216.236.600.251)	(202.271.227.080)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.579.226.697	2.800.024.606
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	3.579.226.697	2.800.024.606
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	8.000.000.000	8.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.395.200.249	1.931.560.558
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.395.200.249	1.931.560.558
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		141.923.220.246	143.845.363.143

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		32.294.534.093	34.496.535.242
I. Nợ ngắn hạn	310		22.119.699.514	16.176.874.176
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		597.955.437	837.386.650
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	64.487.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.160.843.034	848.051.501
4. Phải trả người lao động	314		8.608.804.500	3.695.611.959
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	3.747.387.797	3.030.301.012
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	6.074.868.150	6.071.194.958
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	1.929.840.596	1.629.840.596
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.174.834.579	18.319.661.066
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	10.174.834.579	12.248.466.108
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	-	6.071.194.958
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.628.686.153	109.348.827.901
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	109.628.686.153	109.348.827.901
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.410.000)	(1.410.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.465.967.175	9.186.108.923
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.586.197.753	9.186.108.923
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.879.769.422	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		164.128.978	164.128.978
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		141.923.220.246	143.845.363.143

Người lập biểu



Lù Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng



Bùi Thanh Tùng

Lập, ngày 17 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Quyết Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	125.310.469.591	121.953.441.306
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		125.310.469.591	121.953.441.306
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	91.289.498.448	86.593.176.640
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.020.971.143	35.360.264.666
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.428.297.062	2.451.836.779
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	259.133.674	349.690.554
Trong đó: chi phí lãi vay	23		215.563.646	349.690.554
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17.312.779.139	17.223.402.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.877.355.392	20.239.008.654
11. Thu nhập khác	31	VI.6	639.273.122	656.903.801
12. Chi phí khác	32	VI.7	627.770.102	1.417.806.455
13. Lợi nhuận khác	40		11.503.020	(760.902.654)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.888.858.412	19.478.106.000
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	2.009.229.990	1.423.665.286
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.879.628.422	18.054.440.714
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.658	1.775
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.658	1.775

Người lập biểu

Lù Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng

Bùi Thanh Tùng

Lập, ngày 17 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Quyết Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		127.863.248.602	120.501.026.972
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(52.634.107.206)	(55.535.462.604)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(29.785.562.699)	(28.901.286.918)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.4	(215.563.646)	(349.690.554)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.10	(1.530.981.686)	(1.718.613.348)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		471.962.451	2.235.001.402
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23.822.424.482)	(10.371.099.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.346.571.334	25.859.875.092
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.597.388.454)	(1.412.678.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	136.363.636	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.500.000.000)	(75.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	88.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.393.222.839	2.434.920.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.567.801.979)	13.522.241.812

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31					
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32					
3. Tiền thu từ đi vay	33					
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(6.071.194.958)		(6.077.495.629)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35					
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14	(16.299.770.170)		(13.971.667.525)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.370.965.128)		(20.049.163.154)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.592.195.773)		19.332.953.750	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27.831.532.918		8.498.579.168	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	14.239.337.145		27.831.532.918	

Người lập biểu

Lù Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng

Bùi Thanh Tùng

Lập, ngày 17 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Quyết Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác, xử lý, cấp nước sạch và nước sinh hoạt, xây dựng các công trình dân dụng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần VBIC Sơn La có trụ sở chính tại số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 28,57%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh cấp nước Yên Châu	Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Mường La	Số 72, Tiểu khu 3, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Sông Mã	Tổ 2, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Bắc Yên	3-2, Tiểu khu 3, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai	Quốc lộ 279, bản Pom Luông, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 1	Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2	Số 116A, đường Điện Biên, tổ 9, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Mộc Châu	Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Phù Yên	Khối 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp	Bản Hua Mường, Sốp Cộp – Nậm Lạnh, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn	Tiểu khu 20, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Thuận Châu	Số 14, đường Lò Văn Hặc, tiểu khu 15, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 220 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 220 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư khoản mục vay có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Đối với hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, giá gốc được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí thuê phần mềm; chi phí xin cấp phép khai thác mặt nước, nước ngầm và nước thải vào nguồn nước; chi phí cải tạo, sửa chữa tuyến ống.

Chi phí thuê phần mềm

Chi phí thuê phần mềm dịch vụ quản lý cấp nước đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 01 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xin cấp phép khai thác mặt nước, nước ngầm và nước thải vào nguồn nước

Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian được cấp phép là 05 – 10 năm kể từ khi được cấp phép.

Chi phí di chuyển tuyến ống

Chi phí di chuyển tuyến ống phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 32
Máy móc và thiết bị	3 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 26
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, được làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu dôi dư sẽ được dùng làm cổ phiếu quỹ.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán nước sạch được ghi nhận căn cứ khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước đo được của các khách hàng và biểu giá do Công ty ban hành từng thời kỳ, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	547.531.950	518.267.687
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.691.805.195	3.813.265.231
Các khoản tương đương tiền (là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	8.000.000.000	23.500.000.000
Cộng	14.239.337.145	27.831.532.918

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 06 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần VBIC Sơn La.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500522701 ngày 26 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty Cổ phần VBIC Sơn La có vốn điều lệ là 28.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 800.000 cổ phần, chiếm 28,57% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần VBIC Sơn La, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư chưa có giá niêm yết.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần VBIC Sơn La hoạt động trong lĩnh vực khai thác và cấp nước sinh hoạt, đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước. Toàn bộ sản lượng nước sản xuất ra được bán cho Công ty.

Giao dịch với công ty liên kết

Giao dịch với Công ty Cổ phần VBIC Sơn La (VBIC) phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán vật tư cho VBIC	397.738.000	308.881.818
Cho VBIC thuê văn phòng	54.545.456	13.636.364
Mua nước sinh hoạt của VBIC	10.306.978.500	8.774.089.200
Lãi cho vay từ VBIC	-	61.483.333
Thu gốc cho VBIC vay	-	8.500.000.000
VBIC chia cổ tức	1.520.000.000	1.600.000.000
Cho thuê nhân công	30.120.000	-

Giá mua nước sinh hoạt từ Công ty Cổ phần VBIC Sơn La được thực hiện theo giá thỏa thuận với giá mua là 9.100 đ/m³ nước sạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu tiền nước sạch	10.745.603.216	9.736.503.693
Phải thu các khoản khác	110.566.001	297.372.500
Cộng	10.856.169.217	10.033.876.193

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	79.068.000
Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện	-	79.068.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.018.500.000	446.562.740
Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Gtec	199.500.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Thiết bị Môi trường Việt Nam	-	59.719.110
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Nam Thành	-	300.843.630
Công ty TNHH Một thành viên Gia Huy 68	819.000.000	64.000.000
Các nhà cung cấp khác	-	22.000.000
Cộng	1.018.500.000	525.630.740

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.610.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Bá - Tạm ứng mua đất xây dựng nhà máy nước Chiềng Dong (*)	1.610.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	953.163.145	162.163.145
Ký cược, ký quỹ	50.163.145	52.163.145
Ông Vũ Văn Việt - Tạm ứng (*)	798.000.000	-
Tạm ứng các cá nhân khác	105.000.000	110.000.000
Cộng	2.563.163.145	162.163.145

(*) Công ty giao cho các cá nhân ứng tiền công ty, đứng tên để thực hiện mua bán đất của các hộ dân phục vụ Dự án cấp nước Chiềng Dong và xây trạm tăng áp tại TK2 thị trấn Hát Hót, huyện Mai Sơn. Hiện nay vẫn đang tiếp tục làm thủ tục pháp lý.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (*)	8.345.549.728	(322.705.703)	9.346.899.231	(322.705.703)
Công cụ, dụng cụ	736.582.107	-	1.470.464.440	-
Cộng	9.082.131.835	(322.705.703)	10.817.363.671	(322.705.703)

(*) Trong đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số loại nguyên vật liệu tồn từ đầu năm nhưng chưa xuất dùng hoặc có lượng xuất dùng ít trong năm là 1.534.701.815 VND. Ban điều hành Công ty đánh giá các nguyên vật liệu này được bảo quản ở tình trạng tốt, đảm bảo chất lượng để sử dụng trong các kỳ tới, do đó, không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.809.255.945	-
Chi phí thuê phần mềm	272.314.560	-
Cộng	<u>2.081.570.505</u>	<u>-</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xin cấp quyền khai thác nước	1.574.249.143	1.931.560.558
Chi phí di chuyển đường ống	820.951.106	-
Cộng	<u>2.395.200.249</u>	<u>1.931.560.558</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	50.352.524.081	147.267.109.931	85.933.826.342	783.683.741	284.337.144.095
Mua trong năm	-	4.250.083.373	794.102.814	-	5.044.186.187
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	75.262.000	-	9.148.181.962	-	9.223.443.962
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.108.711.811)	(606.143.782)	-	(4.714.855.593)
Số cuối năm	50.427.786.081	147.408.481.493	95.269.967.336	783.683.741	293.889.918.651
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	18.550.488.973	21.030.482.157	7.515.502.053	643.808.287	47.740.281.470
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.825.050.900	121.576.357.228	49.211.046.409	658.772.543	202.271.227.080
Khấu hao trong năm	2.999.690.819	9.182.291.722	6.451.369.523	46.876.700	18.680.228.764
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.108.711.811)	(606.143.782)	-	(4.714.855.593)
Số cuối năm	33.824.741.719	126.649.937.139	55.056.272.150	705.649.243	216.236.600.251
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	19.527.473.181	25.690.752.703	36.722.779.933	124.911.198	82.065.917.015
Số cuối năm	16.603.044.362	20.758.544.354	40.213.695.186	78.034.498	77.653.318.400
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 355.250.168 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Sơn La.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Trụ sở Văn phòng Công ty (*)	2.800.024.606	-	-	2.800.024.606
Tuyến D400 Bản Mòng đến ngã ba Mé Ban	-	311.853.636	-	311.853.636
Tuyến D400,225 Đông Nam TP, Chiềng Ngần	-	182.215.455	-	182.215.455
Nhà máy nước Chiềng Dong	-	285.133.000	-	285.133.000
Dự án khác	-	8.977.677.703	(8.977.677.703)	-
Cộng	2.800.024.606	9.756.879.794	(8.977.677.703)	3.579.226.697

(*) Công trình Trụ sở văn phòng Công ty được phê duyệt chủ trương xây dựng theo Nghị Quyết của Hội đồng quản trị số 257/NQ-HĐQT ngày 16/12/2016 hiện đang tạm dừng triển khai từ tháng 01/2020 do chưa được phê duyệt dự toán đầu tư. Hiện tại, công trình đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đền bù cho các hộ dân thuộc diện di dời tại bản Bó Cón, Phường Chiềng An, thành phố Sơn La theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND thành phố Sơn La.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	157.003.700	2.831.501.474	(2.922.568.259)	65.936.915
Thuế thu nhập doanh nghiệp	200.432.086	2.009.229.990	(1.530.981.686)	678.680.390
Thuế thu nhập cá nhân	150.902.025	926.231.512	(1.023.018.537)	54.115.000
Thuế tài nguyên	200.719.280	2.975.910.220	(2.960.488.620)	216.140.880
Tiền thuê đất	-	31.640.835	(17.718.835)	13.922.000
Các loại thuế khác	-	90.838.000	(90.838.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	138.994.410	607.170.593	(614.117.154)	132.047.849
Cộng	848.051.501	9.472.522.624	(9.159.731.091)	1.160.843.034

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, với thuế suất 5% cho hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt và thuế suất 10% cho các hoạt động khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ năm 2020 Công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% đối với doanh nghiệp xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/05/2008 của chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế, văn hóa, thể thao; môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP; và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 30/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung một số nội dung của danh mục, loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của cơ sở kinh doanh ngành nước.

Thu nhập từ các hoạt động khác Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.888.858.412	19.478.106.000
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.202.220.000	1.906.563.149
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	21.091.078.412	21.384.669.149
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(1.520.000.000)	(1.600.000.000)
Thu nhập tính thuế	19.571.078.412	19.784.669.149
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.914.215.682	3.956.933.829
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.935.535.292)	(1.956.316.563)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.978.680.390	2.000.617.266
Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết 116 của Quốc hội (*)	-	(600.185.180)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	30.549.600	23.233.200
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.009.229.990	1.423.665.286

(*) Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước bề mặt với mức 1%, cho hoạt động khai thác nước ngầm là 5%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả khác

11a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Ngân sách Nhà nước	2.073.631.529	2.073.631.529
Dự án Yên Châu ⁽ⁱ⁾	397.944.382	397.944.382
Dự án Mộc Châu ⁽ⁱ⁾	456.802.747	456.802.747
Dự án Sốp Cộp ⁽ⁱⁱ⁾	1.218.884.400	1.218.884.400
Giá dịch vụ thoát nước thu hộ Ngân sách tỉnh Sơn La	1.261.401.024	591.840.508
Kinh phí công đoàn	68.727.700	140.575.214
Nhận ký cược, ký quỹ	17.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	326.627.544	224.253.761
Cộng	3.747.387.797	3.030.301.012

11b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Yên Châu ⁽ⁱ⁾	1.757.587.685	2.155.532.067
Dự án Mộc Châu ⁽ⁱ⁾	1.103.940.494	1.560.743.241
Dự án Sốp Cộp ⁽ⁱⁱ⁾	7.313.306.400	8.532.190.800
Cộng	10.174.834.579	12.248.466.108

(i) Căn cứ các Biên bản làm việc ngày 14/12/2018 và ngày 07/3/2019 giữa Công ty với đoàn Thanh tra Bộ Tài chính và Sở Tài chính tỉnh Sơn La, Công văn số 2116/STC-TCDN ngày 18/6/2019 và Quyết định số 117/QĐ-STC ngày 02/7/2019 của Sở Tài chính Sơn La về việc thu, nộp ngân sách tỉnh nguồn kinh phí khấu hao tài sản các dự án cấp nước do ngân sách nhà nước đầu tư từ nguồn vốn ODA hiện Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La đang quản lý, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 123/QĐ-CN-HĐQT ngày 08/7/2019 phê duyệt phương án trả nợ như sau:

- Thanh toán nợ gốc 2 dự án đã khấu hao đến ngày 31/12/2018, số tiền 10.814.426.397 VND, trong đó, dự án Mộc Châu: 6.204.903.977 VND, dự án Yên Châu: 4.609.522.419 VND.
- Trả nợ hàng năm số tiền khấu hao còn lại 6.280.516.170 VND cho đến khi hết nợ (mỗi năm 854.747.129 VND, trong đó, dự án Mộc Châu: 456.802.747 VND, dự án Yên Châu: 397.944.382 VND).

(ii) Căn cứ kết luận của Sở Tài chính Sơn La tại Biên bản họp tư vấn liên ngành ngày 24/12/2019, Công ty có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản đối với hệ thống cấp nước Sốp Cộp, thực hiện trích khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại (10 năm, kể từ ngày 01/01/2019), và nộp toàn bộ số tiền khấu hao vào NSNN theo quy định. Công ty có trách nhiệm hoàn trả ngân sách tỉnh số tiền 12.188.844.000 VND, trong vòng 10 năm, mỗi năm 10% giá trị nhận nợ, tương đương 1.218.884.400 VND.

12. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho Thành phố Sơn La với lãi suất 2%/năm. Số tiền vay được hoàn trả 2 lần/năm, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2006. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả	6.074.868.150	6.071.194.958
Vay dài hạn	-	6.071.194.958
Cộng	6.074.868.150	12.142.389.916

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.071.194.958	6.077.495.629
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	6.071.194.958	6.071.194.958
Tăng do chênh lệch tỷ giá	3.673.192	-
Số tiền vay đã trả	<u>(6.071.194.958)</u>	<u>(6.077.495.629)</u>
Số cuối năm	<u>6.074.868.150</u>	<u>6.071.194.958</u>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Từ 1 năm trở xuống	6.074.868.150	6.071.194.958
Trên 1 năm đến 5 năm	-	6.071.194.958
Cộng	<u>6.074.868.150</u>	<u>12.142.389.916</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.071.194.958	12.154.988.478
Chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	-	(12.598.562)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	<u>(6.071.194.958)</u>	<u>(6.071.194.958)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>6.071.194.958</u>

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số dư đầu năm	1.578.401.533	51.439.063	1.629.840.596
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	300.000.000	-	300.000.000
Tăng khác	2.980.000	-	-
Chi quỹ	<u>(2.980.000)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>1.878.401.533</u>	<u>51.439.063</u>	<u>1.929.840.596</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	62.096.300.000	-	27.658.140.494	11.017.419.575	164.128.978	100.935.989.047
Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	37.903.700.000	(1.410.000)	(35.158.140.494)	(2.744.149.506)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	18.054.440.714	-	18.054.440.714
Trích lập các quỹ	-	-	7.500.000.000	(8.100.000.000)	-	(600.000.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(2.831.971.860)	-	(2.831.971.860)
Tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	(6.209.630.000)	-	(6.209.630.000)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	(1.410.000)	-	9.186.108.923	164.128.978	109.348.827.901
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	(1.410.000)	-	9.186.108.923	164.128.978	109.348.827.901
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	16.879.628.422	-	16.879.628.422
Trích lập các quỹ	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(6.299.911.170)	-	(6.299.911.170)
Tạm ứng cổ tức năm 2021	-	-	-	(9.999.859.000)	-	(9.999.859.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	(1.410.000)	-	9.465.967.175	164.128.978	109.628.686.153

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	141	141
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.999.859	9.999.859

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

14c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01 ngày 02 tháng 02 năm 2021 như sau:

	<u>VND</u>
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 300.000.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 6.299.911.170

Tạm ứng cổ tức

Thực hiện Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2021 theo với tỷ lệ là 10% mệnh giá cổ phiếu, số tiền 9.999.859.000 VND.

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

Bao gồm các khoản nợ đã phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	111.668.900	111.668.900
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sơn La	229.952.926	229.952.926
Trường Chính trị tỉnh Sơn La	25.031.277	25.031.277
Trại tâm thần tỉnh Sơn La	11.655.833	11.655.833
Các đơn vị khác	142.397.568	142.397.568
Cộng	<u>520.706.504</u>	<u>520.706.504</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	700.842.154	641.466.500
Doanh thu kinh doanh nước thương phẩm	119.682.421.414	117.051.921.085
Doanh thu kinh doanh nước đóng chai	1.424.913.654	1.270.052.746
Doanh thu lắp đặt nhỏ	2.821.495.004	2.588.668.175
Doanh thu cung cấp dịch vụ	180.781.820	288.462.800
Doanh thu hợp đồng xây dựng	500.015.545	112.870.000
Cộng	<u>125.310.469.591</u>	<u>121.953.441.306</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán hàng hóa	700.842.154	641.466.500
Giá vốn kinh doanh nước thương phẩm	85.937.579.037	81.994.173.836
Giá vốn kinh doanh nước đóng chai	1.339.350.651	1.124.804.535
Giá vốn lắp đặt nhỏ	2.749.761.044	2.676.152.093
Giá vốn cung cấp dịch vụ	91.702.000	49.579.676
Giá vốn hợp đồng xây dựng	470.263.562	107.000.000
Cộng	<u>91.289.498.448</u>	<u>86.593.176.640</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	873.222.839	763.520.011
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.808.814	4.318.205
Lãi tiền cho vay	-	71.400.001
Cổ tức được chia	1.520.000.000	1.600.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	29.265.409	12.598.562
Cộng	<u>2.428.297.062</u>	<u>2.451.836.779</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	215.563.646	349.690.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	43.570.028	-
Cộng	<u>259.133.674</u>	<u>349.690.554</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.952.110.384	13.102.619.511
Chi phí vật liệu quản lý	219.489.154	97.127.154
Chi phí đồ dùng văn phòng	299.863.001	205.331.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	340.871.289	292.814.244
Thuế, phí và lệ phí	49.140.835	55.680.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.932.875.244	2.244.106.787
Chi phí bằng tiền khác	3.518.429.232	1.225.722.722
Cộng	<u>17.312.779.139</u>	<u>17.223.402.237</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí di dời được đền bù	-	258.143.047
Phí nước thải sinh hoạt được để lại đơn vị	393.518.631	385.123.605
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	136.363.636	-
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	50.545.454	-
Thu nhập khác	58.845.401	13.637.149
Cộng	<u>639.273.122</u>	<u>656.903.801</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt chậm nộp thuế	126.169.800	28.111.331
Chi phí dự án không thực hiện được	-	1.386.181.818
Các khoản thuế phải nộp bổ sung theo biên bản thanh tra thuế	501.595.200	-
Chi phí khác	5.102	3.513.306
Cộng	<u>627.770.102</u>	<u>1.417.806.455</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.879.628.422	18.054.440.714
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(300.000.000)	(300.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.579.628.422	17.754.440.714
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	9.999.859	9.999.859
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.658</u>	<u>1.775</u>

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 1.745 VND lên 1.775 VND.

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được ước tính theo số trích năm trước.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.709.052.224	20.585.891.993
Chi phí nhân công	42.302.905.279	41.801.012.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.680.228.764	18.032.658.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.492.472.356	13.937.182.257
Chi phí khác	10.716.776.810	8.818.367.332
Cộng	<u>107.901.435.433</u>	<u>103.175.112.377</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về tạm ứng với thành viên Ban Tổng Giám đốc với số tiền là 1.610.000.000 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.4 và V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Các khoản khác	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị					
Ông Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch	-	200.004.000	336.889.000	536.893.000
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	-	133.332.000	322.445.000	455.777.000
Ông Lương Thế Công	Thành viên	-	183.996.000	193.111.000	377.107.000
Ông Bùi Văn Đính	Thành viên	-	183.996.000	324.444.000	508.440.000
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên /Phó Tổng Giám đốc	419.950.900	183.996.000	166.133.000	770.079.900
Ông Nguyễn Anh Việt	Thành viên	-	133.332.000	322.445.000	455.777.000
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	-	133.332.000	322.445.000	455.777.000
Ban Tổng Giám đốc					
Ông Trần Quyết Chiến	Tổng Giám đốc	599.929.900	-	233.486.000	833.415.900
Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	419.950.900	-	115.635.000	535.585.900
Ban Kiểm soát					
Ông Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng Ban	-	70.000.000	6.667.000	76.667.000
Ông Bùi Hồng Nam	Kiểm soát viên	-	80.004.000	6.667.000	86.671.000
Bà Lê Thị Nha Trang	Kiểm soát viên	-	80.004.000	6.667.000	86.671.000
Cộng		1.439.831.700	1.381.996.000	2.357.034.000	5.178.861.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Các khoản khác	Cộng thu nhập
Năm trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch	-	126.700.000	294.667.000	421.367.000
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	-	72.250.000	294.667.000	366.917.000
Ông Lương Thế Công	Thành viên/Phó Tổng Giám đốc	119.342.800	95.050.000	294.667.000	509.059.800
Ông Bùi Văn Đính	Thành viên/Tổng Giám đốc	527.905.200	95.050.000	293.333.000	916.288.200
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên/Phó Tổng Giám đốc	337.137.800	95.050.000	104.000.000	536.187.800
Ông Nguyễn Anh Việt	Thành viên	-	38.650.000	294.667.000	333.317.000
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	-	72.250.000	294.667.000	366.917.000
Ban Tổng Giám đốc					
Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	334.148.000	-	-	334.148.000
Ban Kiểm soát					
Ông Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng Ban	363.974.600	38.600.000	154.667.000	557.241.600
Ông Bùi Hồng Nam	Kiểm soát viên	-	52.910.000	-	52.910.000
Ông Nguyễn Quang Huy	Kiểm soát viên	-	52.910.000	-	52.910.000
Cộng		1.682.508.400	739.420.000	2.025.335.000	4.447.263.400

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nước sạch Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần VBIC Sơn La	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình	Công ty có cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Hawaco	Công ty có cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Cơ điện Hawaco	Công ty có cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện	Công ty có cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Công ty có cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Mills Việt Nam	Công ty có cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	Công ty có cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam	Công ty có cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Mills Việt Nam		
Mua nguyên vật liệu	1.271.140.000	646.000.000
Công ty Cổ phần DNP Hawaco Cơ điện		
Mua vật tư, thiết bị	179.700.000	3.066.220.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cấp nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Lù Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng

Bùi Thanh Tùng

Lập, ngày 17 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Quyết Chiến

